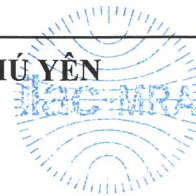


**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN****PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT**

05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.

Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388



Số: 202 - 2022/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 16/06/2022

Trang: 1/1

- Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Bể chứa NMN Đông Bắc Sông Cầu
- Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
- Mô tả mẫu : Mẫu hóa lý được đựng trong chai nhựa, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh
- Ký hiệu mẫu : 44B05/22
- Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 08/06/2022
- Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
- Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN01-1:2018/BYT	Kết quả
1	Mùi, vị	-	SMEWW2150:2017 SMEWW2160:2017	Không có mùi, không vị lạ	Không có mùi, không vị lạ
2	pH	-	TCVN6492:2011	6 - 8,5	6,65
3	Độ đục	NTU	TCVN6184:2008	2	0,64
4	Hàm lượng Sắt tổng	mg/l	TCVN6177:1996	0,3	KPH (LOQ= 0,05)
5	Hàm lượng Clorua	mg/l	TCVN6194:1996	250	14,82
6	Độ cứng tổng	mg/l	TCVN6224:1996	300	11,30
7	Hàm lượng Nitrit	mg/l	TCVN6178:1996	0,05	KPH (LOQ= 0,01)
8	Màu sắc	mg/l Pt	TCVN6185:2015	15	KPH (LOQ= 4,92)
9	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	SMEWW-2540C:2017	1000	50
10	Hàm lượng Nitrat	mg/l	TCVN6180:1996	2	1,10
11	Hàm lượng Sunfat	mg/l	EPA 375.4	250	4,20
12	Hàm lượng Mangan	mg/l	TCVN6002:1995	0,1	KPH (LOQ= 0,04)
13	Chỉ số Permanganat	mg/l	TCVN6186:1996	2	KPH (LOQ= 0,57)
14	Hàm lượng Amoni	mg/l	TCVN6179-1:1996	0,3	KPH (LOQ= 0,01)
15	Clo Tổng số	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0,2 - 1	0,59
16	Coliform	CFU/100ml	TCVN6187-1:2019	< 3	KPH
17	E.Coli	CFU/100ml	TCVN6187-1:2019	< 1	KPH

PHÓ TÔNG GIÁM ĐỐC**PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT****BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM**

Nguyễn Văn Phong

Võ Bá Duy Huân

Ghi chú: Nguyễn Sơn Thuận

- Các chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOQ: Giới hạn định lượng, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

BM.KHKT.02.02

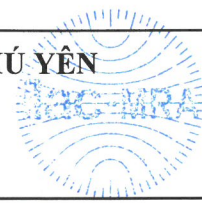
Ban hành lần 05

Ngày ban hành: 31/12/2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN****PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT**

05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.

Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388



Số: 203 - 2022/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 16/06/2022

Trang: 1/1

- Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Tuyền Xuân Bình - NMN Đông Bắc Sông Cầu
- Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
- Mô tả mẫu : Mẫu hóa lý được đựng trong chai nhựa, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh
- Ký hiệu mẫu : 45M₁05/22
- Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 08/06/2022
- Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
- Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN01-1:2018/BYT	Kết quả
1	Mùi, vị	-	SMEWW2150:2017 SMEWW2160:2017	Không có mùi, không vị lạ	Không có mùi, không vị lạ
2	pH	-	TCVN6492:2011	6 - 8,5	6,71
3	Độ đục	NTU	TCVN6184:2008	2	0,37
4	Hàm lượng Sắt tổng	mg/l	TCVN6177:1996	0,3	KPH (LOQ= 0,05)
5	Hàm lượng Clorua	mg/l	TCVN6194:1996	250	18,52
6	Độ cứng tổng	mg/l	TCVN6224:1996	300	11,30
7	Hàm lượng Nitrit	mg/l	TCVN6178:1996	0,05	KPH (LOQ= 0,01)
8	Màu sắc	mg/l Pt	TCVN6185:2015	15	KPH (LOQ= 4,92)
9	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	SMEWW-2540C:2017	1000	37
10	Hàm lượng Nitrat	mg/l	TCVN6180:1996	2	1,10
11	Hàm lượng Sunfat	mg/l	EPA 375.4	250	4,40
12	Hàm lượng Mangan	mg/l	TCVN6002:1995	0,1	KPH (LOQ= 0,04)
13	Chỉ số Permanganat	mg/l	TCVN6186:1996	2	KPH (LOQ= 0,57)
14	Hàm lượng Amoni	mg/l	TCVN6179-1:1996	0,3	0,03
15	Clo Tổng số	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0,2 - 1	0,40
16	Coliform	CFU/100ml	TCVN6187-1:2019	< 3	KPH
17	E.Coli	CFU/100ml	TCVN6187-1:2019	< 1	KPH

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT****BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM**

PHÚ YÊN
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC
PHÚ YÊN
T.P. TUY HÒA - T. PHÚ YÊN

Nguyễn Tấn Thuận

Nguyễn Văn Phong

Nguyễn Văn Phong

Võ Bá Duy Huân

Võ Bá Duy Huân

Ghi chú:

- Các chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOQ: Giới hạn định lượng, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

BM.KHKT.02.02

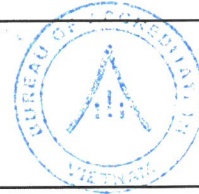
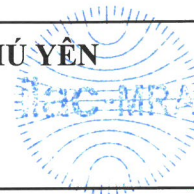
Ban hành lần 05

Ngày ban hành: 31/12/2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN****PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT**

05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.

Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388



Số: 204 - 2022/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 16/06/2022

Trang: 1/1

- Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Cuối tuyến Xuân Hải - NMN Đông Bắc Sông Cầu
- Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
- Mô tả mẫu : Mẫu hóa lý được đựng trong chai nhựa, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh
- Ký hiệu mẫu : 46M₂05/22
- Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 08/06/2022
- Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
- Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN01-1:2018/BYT	Kết quả
1	Mùi, vị	-	SMEWW2150:2017 SMEWW2160:2017	Không có mùi, không vị lạ	Không có mùi, không vị lạ
2	pH	-	TCVN6492:2011	6 - 8,5	6,79
3	Độ đục	NTU	TCVN6184:2008	2	0,45
4	Hàm lượng Sắt tổng	mg/l	TCVN6177:1996	0,3	KPH (LOQ= 0,05)
5	Hàm lượng Clorua	mg/l	TCVN6194:1996	250	18,86
6	Độ cứng tổng	mg/l	TCVN6224:1996	300	10,78
7	Hàm lượng Nitrit	mg/l	TCVN6178:1996	0,05	KPH (LOQ= 0,01)
8	Màu sắc	mg/l Pt	TCVN6185:2015	15	KPH (LOQ= 4,92)
9	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	SMEWW-2540C:2017	1000	31
10	Hàm lượng Nitrat	mg/l	TCVN6180:1996	2	0,90
11	Hàm lượng Sunfat	mg/l	EPA 375.4	250	4,40
12	Hàm lượng Mangan	mg/l	TCVN6002:1995	0,1	KPH (LOQ= 0,04)
13	Chỉ số Permanganat	mg/l	TCVN6186:1996	2	KPH (LOQ= 0,57)
14	Hàm lượng Amoni	mg/l	TCVN6179-1:1996	0,3	0,01
15	Clo Tổng số	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0,2 - 1	0,20
16	Coliform	CFU/100ml	TCVN6187-1:2019	< 3	KPH
17	E. Coli	CFU/100ml	TCVN6187-1:2019	< 1	KPH

**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC****PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT****BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM**

Nguyễn Văn Phong

Võ Bá Duy Huân

Ghi chú:

Nguyễn Tôn Thuận

- Các chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOQ: Giới hạn định lượng, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

BM.KHKT.02.02

Ban hành lần 05

Ngày ban hành: 31/12/2021